

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/10

## Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

### Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Selenite Broth
Số Dành Mục	NCM0172, 400000860, 700003476

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hóa chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Được thiết kế để sử dụng trong phần tích thông thường, bao gồm kiểm soát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp


	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoa Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Acute Tox. 2: H300; Skin Sens. 1: H317; Acute Tox. 4: H332; Aquatic Chronic 3: H412;
------------------------------------	--

#### 2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Acute Tox. 2: H300 - Gây tử vong nếu nuốt phải. Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Acute Tox. 4: H332 - Có hại nếu hít. Aquatic Chronic 3: H412 - Có hại cho đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.

## Selenite Broth

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## 2.2 Các yếu tố nhân

Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P261 - Tránh hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun. P264 - Rửa thật kỹ sâu khị xử lý . P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khị sử dụng sản phẩm này. P271 - Chỉ ngoài trời hoặc trong một khu vực thông thoáng sử dụng. P272 - Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc P273 - Tránh thải ra môi trường P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P310 - Nếu NUỐT PHẢI: Ngay lập tức gọi trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ. P302+P352 - Nếu ON DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P312 - Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P330 - Súc miệng. P333+P313 - Nếu bị kích ứng da xảy ra: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý.
Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ	P405 - Cửa hàng bị nhốt.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Có thể tạo thành hỗn hợp bụi / không khí dễ cháy. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	---

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

## 3.2 Hỗn hợp

## EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	Số REACH	Nồng độ %	Phân loại
Sodium selenite	034-003-00-3	10102-18-8	233-267-9		10 - <20%	Acute Tox. 2: H300; Acute Tox. 3: H331; Skin Sens. 1: H317; Aquatic Chronic 2: H411;

## Hình thè

	Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

## đặc điểm hạt

	Không có thông tin.
--	---------------------

## Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khị hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sâu khị tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khị được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

## Selenite Broth

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sau khi hít phải:	Có hại nếu hít. Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da. Có thể gây viêm da.
Nếu nuốt phải:	Gây tử vong nếu nuốt phải. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

	Có thể tạo thành hỗn hợp bụi / không khí dễ cháy. Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.
--	--

## 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

	Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hoá học.
--	---

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Tránh hình thành bụi. Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	---

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	--

## 6.4 Xem các mục khác

	Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.
--	---

## Phần 7. Các lưu ý khi thảo tác và lưu trữ

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hoá chất

	Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng kỹ thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.
--	---

## 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

	Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Làm theo hướng dẫn trên nhãn. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ẩm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý.
--	--

## 7.3 Sử dụng cụ thè

	Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## Thông tin khác

## Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

## 8.1 Các thông số kiểm soát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



## 8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

## 8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

## Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.

## Bảo vệ tay

Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hóa chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.

## Thiết bị bảo hộ khác

Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.

## Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.

## Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hóa chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

## Selenite Broth

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Màu trắng Ngả
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	6.8 - 7.2
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bản địa	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	Không có thông tin
Tỷ lệ hòa hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi tương đối	Không có thông tin
Mật độ / Mật độ tương đối	Không có thông tin
Độ hòa tan chất béo	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính oxy hóa	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.2 Tính ổn định hóa học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh ẩm.
--	---------------------------------------

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

## Phần 11. Thông tin độc học

## Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## 11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng chính loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Có thể gây kích ứng cho mắt.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoá Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyên khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## 11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

## 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

## 11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

## 11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.6. Tiêu chí phân loại

	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	---

## 11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sử dụng tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sử dụng hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

## 11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 11.1.11. Thiểu dữ liệu cụ thể

	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
--	---

## Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## 11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

## 11.1.13. Thông tin khác

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 11.2 Thông tin về các mối nguy hiểm khác

	Không có thông tin.
--	---------------------

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

## 12.1 Độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

## 12.2 Tính bền vững và phân hủy

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.7 Các ảnh hưởng có hại khác

	Có hại cho đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài. Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
--	--

## Thông tin khác

	Tránh xa hồ, ao, hoặc suối.
--	-----------------------------

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

## 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

	Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	---

## Phương pháp xử lý

	Không làm nhiệm vụ rửa bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.
--	---

## Xử lý bảo bì

	Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bản đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.
--	---

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

## Hình ảnh cảnh báo nguy cơ

## Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## Hình đồ cảnh báo nguy cơ



## 14.1 Số UN

UN3283

## 14.2 Tên vận chuyển thích hợp

SELENIUM COMPOUND, N.O.S. (Sodium selenite)

## 14.3 Hạng

ADR/RID	6.1
Rủi ro phụ	-
IMDG	6.1
Rủi ro phụ	-
IATA	6.1
Rủi ro phụ	-

## 14.4 Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói III

## 14.5 môi trường độc hại

Mối nguy hiểm môi trường	No
ô nhiễm môi trường biển	No

## ADR/RID

ID nguy hiểm	60
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	(E)

## IMDG

EmS F-A S-A

## IATA

Hướng dẫn đóng gói (chở hàng)	677
Số lượng tối đa	200 kg
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	670
Số lượng tối đa	100 kg

## Phần 15. Thông tin pháp luật

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	Liên hệ với SDS@neogen.com để biết thêm thông tin. Vui lòng chỉ định quốc gia hoặc khu vực với yêu cầu của bạn. Dự luật 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

## Phần 16. Các thông tin khác

## Các thông tin khác



## Selenite Broth

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

## Các thông tin khác

Phiên bản	<p>Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.</p> <p>2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác.</p> <p>2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó.</p> <p>4 - Sâu khí hít phải:.</p> <p>4 - Trong trường hợp tiếp xúc với da.</p> <p>4 - Nếu nuốt phải:.</p> <p>5 - 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp.</p> <p>7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào.</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Đặc tính cháy nổ).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ nhớt, động lực).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ hòa tan chất béo).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nhóm khí).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt).</p> <p>12 - 12.7 Các ảnh hưởng có hại khác.</p>
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	<p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mãlaysia).</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liệu gây tử vong.</p> <p>OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.</p> <p>PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất.</p> <p>STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.</p> <p>DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.</p> <p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.</p> <p>WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.	<p>EUH031 - Tiếp xúc với axit giải phóng khí độc.</p> <p>Acute Tox. 2: H300 - Gây tử vong nếu nuốt phải.</p> <p>Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da</p> <p>Acute Tox. 3: H331 - Độc nếu hít.</p> <p>Aquatic Chronic 2: H411 - Độc hại đối với đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.</p>

## Thông tin khác

	<p><b>TUYÊN BỐ TỬ CHỐI:</b> Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	---

# Selenite Broth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-04-08

---